



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /NQ-CNNB-HĐQT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp lần thứ 20 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, nhiệm kỳ 2017 - 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty; Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo kết luận của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022, tại phiên họp Quý III năm 2020 ngày 30/10/2020 (lần thứ 20), gồm các nội dung sau: ⁽¹⁾Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ Quý IV năm 2020, ⁽²⁾Trình đơn giá mua bán sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020, ⁽³⁾Trình Danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021, ⁽⁴⁾Trình chỉ định Người phụ trách quản trị Công ty, ⁽⁵⁾Trình kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

Quyết nghị:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm 2020 theo Báo cáo số 4991/BC-CNNB-KHVTTH ngày 23/10/2020 của Giám đốc Công ty và Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2020, với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau: sản lượng nước 53.941 ngàn m³ (73,39% KH), tổng doanh thu 560.720 triệu đồng (74,38% KH), lợi nhuận trước thuế 17.567 triệu đồng (94,42% KH) [*Phụ đính 1: Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm 2020*].

Về nhiệm vụ 03 tháng cuối năm, đề nghị Giám đốc Công ty triển khai tích cực các giải pháp chủ yếu như đã nêu tại Báo cáo số 4991/BC-CNNB-KHVTTH nêu trên để hoàn thành Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020; trong đó cần chủ động thực hiện các yêu cầu về cấp nước an toàn trên địa bàn phục vụ.

Điều 2. Thông qua Danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 theo Tờ trình số 4993/TTr-CNNB-DA ngày 23/10/2020 của Giám đốc Công ty về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 [*Phụ đính 2: Danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021*] với số liệu tổng hợp như sau:

I) Công trình mới năm 2021:

Vốn khấu hao cơ bản: Tổng giá trị đầu tư ($I = 1+2+3$) là: 41.440 triệu đồng; gồm:

Danh mục	Số lượng (công trình)	Khối lượng (mét)	Giá trị (triệu đồng)
1) Phát triển mạng lưới cấp nước		8.159	19.651
a/ Công trình thực hiện đầu tư	09	8.159	18.413
b/ Công trình chuẩn bị đầu tư	04		1.238
2) Cải tạo mạng lưới cấp nước		9.248	21.105
a/ Công trình thực hiện đầu tư	06	9.248	18.480
b/ Công trình chuẩn bị đầu tư	07		2.625
3) Xây dựng hầm đồng hồ tổng		03 hầm	684
Hầm đồng hồ tổng khu vực Nhà Bè năm 2021		03 hầm	684

II) Công trình chuyển tiếp (từ năm cũ):

Tổng giá trị giải ngân ($II = 1+2+3+4$) là: 28.003 triệu đồng; gồm:

Danh mục	Số lượng	Giải ngân (triệu đồng)
1) Cải tạo mạng lưới cấp nước (Vốn khấu hao cơ bản)	05 công trình	10.060
2) XD hầm đồng hồ tổng Quận 4, Quận 7 (Vốn khấu hao cơ bản)	07 hầm	2.551
3) Công tác thay đại đồng hồ nước (Vốn chi phí sửa chữa lớn)	05 mục	1.347
4) Di dời hệ thống cấp nước (Vốn đền bù)	04 công trình	14.045

Điều 3. Thông qua việc chỉ định ông Nguyễn Tường Triêm - Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính làm Người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 theo Tờ trình số 4990/TTr-CNNB-TCHC ngày 23/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Mức thù lao của Người phụ trách quản trị Công ty là 3,1 triệu đồng/tháng.

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định chỉ định Người phụ trách quản trị Công ty.

Điều 4. Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Tờ trình số 4995/TTr-CNNB-TCHC ngày 23/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông họp ngày 15/04/2020 tại Công ty

[Phụ đính 3: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty 2021]

Điều 5. Về đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020, đối với lượng nước qua mạng cấp 1, 2 bằng 70% giá bán bình quân cho khách hàng, đã được Hội đồng quản trị Công ty thống nhất tại phiên họp ngày 03/01/2020, đơn giá mua sỉ nước sạch đối với lượng nước qua mạng cấp 3 sẽ được xem xét tại phiên họp khác.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TV. HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- BGD Công ty;
- Tổ GV. HĐQT;
- Lưu (CV. HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn An



0304
CÔ
CÔ
CẤP
NH
7-TP.



**Phụ đính 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH - TÀI CHÍNH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Đính kèm Nghị quyết số 33 /NQ-CNNB-HĐQT ngày 02 /11/2020)

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Quý III năm 2020		9 tháng đầu 2020	
			Thực hiện	SV Quý III/2019	Thực hiện	So với KH 2020
A	B	1	2	3	4	5=4/1
A. Sản xuất-kinh doanh:						
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	73.500	18.096	+3,05%	53.941	73,39%
2. Gắn mới ĐHN	cái	3.000	763	-35,94%	2.903	96,77%
3. Thay ĐHN nhỏ	cái	24.000	9.116	+32,50%	19.568	81,53%
4. Thay ĐHN lớn	cái	153	22	-18,52%	41	26,80%
5. Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,50	14,83	-1,72%	13,49	-1,01%
B. Đầu tư xây dựng và mua sắm:						
1. Phát triển mạng lưới	triệu đồng	9.064	7.369	-	7.507	82,82%
2. Sửa chữa ống mục	triệu đồng	25.340	9.905	-	13.973	55,14%
3. Hàm đồng hồ tổng	triệu đồng	2.692	580	-	580	21,55%
C. Mua sắm vật tư thiết bị:						
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước 2020	triệu đồng	6.200	1.738	-	3.922	63,27%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	triệu đồng	3.700	604	-	841	22,73%
3. Trang bị phương tiện phục vụ nhu cầu quản lý mạng lưới và phục vụ công tác cho Công ty	triệu đồng	1.200	-	-	995	82,92%
4. Bảo trì, bảo dưỡng thay mới các thiết bị phục vụ sản xuất nước đóng chai SawaNew	triệu đồng	800	52	-	789	98,58%
5. Sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, nhà vệ sinh công trình nội bộ công ty	triệu đồng	3.000	184	-	644	21,47%
D. Tài chính:						
Tổng doanh thu	triệu đồng	753.845	189.354	+14,53%	560.720	74,38%
Tổng chi phí	triệu đồng	735.239	183.583	+13,71%	543.154	73,87%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	18.606	5.771	+48,70%	17.567	94,42%

4/20



Phụ đính 2: DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 2021
 (Đính kèm Nghị quyết số 33 /NQ-CNNB-HĐQT ngày 02/11/2020)

I. CÔNG TRÌNH MỚI NĂM 2021: Vốn khấu hao cơ bản (A+B+C): 41.440 triệu đồng

Danh mục công trình	Địa điểm	Khối lượng (m)	Giá trị (triệu đồng)
A. PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC (=1+2)		8.159	19.651
1) Công trình thực hiện đầu tư: 09 công trình		8.159	18.413
1.1/ Phát triển MLCN khu vực Quận 7 năm 2021	Quận 7	758	1.475
1.2/ Phát triển MLCN đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè năm 2020 (đoạn từ khu dân cư Thái Sơn đến khu A Làng Đại học)	Huyện Nhà Bè	1.018	5.336
1.3/ Phát triển MLCN đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè năm 2021 (đoạn từ NH Tháp Ngà đến đường Phạm Hữu Lầu)	Huyện Nhà Bè	650	2.779
1.4/ Phát triển MLCN khu vực xã Nhơn Đức, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè năm 2021	Huyện Nhà Bè	760	912
1.5/ Phát triển MLCN khu vực Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè năm 2021	Huyện Nhà Bè	500	661
1.6/ Phát triển MLCN đường vào Khu A Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè năm 2021	Huyện Nhà Bè	580	2.565
1.7/ Phát triển MLCN khu vực xã Long Thới, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè năm 2020	Huyện Nhà Bè	1.440	1.949
1.8/ Lắp đặt tuyến ống cấp nước qua cầu Phước lộc, đường Đào Sư Tích, huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	1.603	1.417
1.9/ Lắp đặt ống cấp nước dọc theo đường dẫn cầu Long Kiêng, đường Lê Văn Lương, huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	850	1.319
2) Công trình chuẩn bị đầu tư: 04 công trình			1.238
2.1/ Phát triển MLCN đường 15B, Quận 7 năm 2020 (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến đường Hoàng Quốc Việt)	Quận 7		227
2.2 Phát triển MLCN đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè năm 2020 (đoạn từ Khu A Làng Đại Học đến Chung cư Kenton)	Huyện Nhà Bè		161
2.3 Phát triển MLCN đường Nguyễn Văn Tạo, huyện Nhà Bè năm 2021 (Lề trái, đoạn từ vòng xoay đến Khu A KCN Hiệp Phước)	Huyện Nhà Bè		271

78925
 G TY
 PHÂN
 NƯỚC
 BÈ
 HỒ CHÍ

Danh mục công trình	Địa điểm	Khối lượng (m)	Giá trị (triệu đồng)
2.4 Phát triển MLCN đường Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Long An		579
B. CẢI TẠO MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC (=1+2)			<u>21.105</u>
1) Công trình thực hiện đầu tư: 06 công trình		9.248	18.480
1.1/ Cải tạo MLCN đường Phan Huy Thực, phường Tân Kiên, Quận 7 năm 2020.	Quận 7	1.206	3.016
21.2/ Cải tạo MLCN hẻm 458 Huỳnh Tấn Phát và đường Lý Phục Man (lề phải, đoạn từ Huỳnh Tấn Phát đến cầu Lý Phục Man), P. Bình Thuận, Quận 7 năm 2021	Quận 7	1.836	3.225
1.3/ Cải tạo MLCN hẻm 15, 53, 67 và đường Bùi Văn Ba (lề trái, đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến Cầu Trắng), phường Tân Thuận Đông, Quận 7 năm 2021.	Quận 7	1.468	2.675
1.4/ Cải tạo MLCN hẻm 64, 98, 118, 136, 180, 194, 216 và đường Bùi Văn Ba (lề phải, đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến Cầu Trắng), phường Tân Thuận Đông, Quận 7 năm 2021.	Quận 7	2.858	5.748
1.5/ Cải tạo MLCN hẻm 271 Lê Lương và đường số 69, 71, 73, phường Tân Quy, Quận 7 năm 2021.	Quận 7	900	2.107
1.6/ Cải tạo MLCN hẻm 1622 Huỳnh Tấn Phát, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè năm 2021.	Huyện Nhà Bè	980	1.709
2) Công trình chuẩn bị đầu tư: 07 công trình.			2.625
2.1/ Cải tạo MLCN đường Khánh Hội, Quận 4 năm 2021	Quận 4		199
2.2/ Cải tạo MLCN đường Tôn Đản, Quận 4 năm 2021 (Tuyến ống bên phải, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Tôn Thất Thuyết)	Quận 4		220
2.3/ Cải tạo MLCN đường Tôn Thất Thuyết, Quận 4 năm 2017 (từ đường Phường 1 đến cầu Tân Thuận).	Quận 4		487
2.4/ Cải tạo MLCN đường Nguyễn Thị Thập, Quận 7 năm 2020 (tuyến ống bên phải đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lê Văn Lương)	Quận 7		261
2.5/ Cải tạo MLCN hẻm số 3, 21, 51 Lý Phục Man, đường số 1 và đường Lý Phục Man (lề trái, đoạn từ Huỳnh Tấn Phát đến cầu Lý Phục Man), phường Bình Thuận, Quận 7 năm 2021.	Quận 7		253
2.6/ Cải tạo MLCN các tuyến đường số 1, 3, 5, 7, 9, 11, 2, 4, 6, 8, 10 Lý Phục Man, phường Bình Thuận, Quận 7 năm 2021.	Quận 7		304

Danh mục công trình	Địa điểm	Khối lượng (m)	Giá trị (triệu đồng)
2.7/ Cải tạo MLCN đường Nguyễn Bình, huyện Nhà Bè năm 2021 (tuyến ống bên trái, đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến cầu Bà Chiêm).	Huyện Nhà Bè		901
C. XÂY DỰNG HẦM ĐỒNG HỒ TỔNG			684
Công trình thực hiện đầu tư: Xây dựng hầm đồng hồ tổng khu vực huyện Nhà Bè năm 2021	Huyện Nhà Bè	3 hầm	684

II. CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP: Tổng giá trị giải ngân (1+2+3+4) là 28.003 triệu đồng

Danh mục	Địa điểm	Giá trị giải ngân (triệu đồng)
1) Cải tạo mạng lưới cấp nước (Vốn khấu hao cơ bản)		10.060
1.1/ Cải tạo MLCN khu vực Quận 4 năm 2020	Quận 4	689
1.2/ Cải tạo MLCN đường số 10, 12, 25, 27 phường Tân Quy, Quận 7 năm 2020	Quận 7	1.812
1.3/ Cải tạo MLCN đường số 17, P. Tân Quy, Quận 7 năm 2020	Quận 7	2.384
1.4/ Cải tạo MLCN đường số 19, 21, 23 phường Tân Quy, Quận 7 năm 2020	Quận 7	1.770
1.5/ Cải tạo MLCN hẻm 502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7 năm 2020	Quận 7	3.405
2) Hầm đồng hồ tổng Quận 4, Quận 7 (Vốn khấu hao cơ bản)		2.551
Xây dựng hầm đồng hồ tổng, hầm van điều áp khu vực Quận 4, Quận 7 năm 2020	Quận 4, Quận 7	2.551
3) Thay đại đồng hồ nước (Vốn chi phí sửa chữa lớn)		1.347
3.1/ Công tác thay đại xám và ống nhánh Pb các hẻm nâng cấp đô thị khu vực Quận 4 (Đường số 30-32-34-36, Phường 16, Q. 4)	Quận 4	319
3.2/ Công tác thay đại xám và ống nhánh Pb các hẻm nâng cấp đô thị khu vực Quận 7 (Hẻm 98 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7)	Quận 7	347
3.3/ Công tác thay đại xám và ống nhánh Pb các hẻm nâng cấp đô thị khu vực Quận 7 (Hẻm 98 Bùi Văn Ba, và hẻm 1333 Huỳnh Tấn Phát)	Quận 7	351
3.4/ Công tác thay đại xám và ống nhánh Pb các hẻm nâng cấp đô thị khu vực huyện Nhà Bè (Hẻm 2814 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè)	Huyện Nhà Bè	172
3.5/ Công tác thay đại xám và ống nhánh Pb các hẻm nâng cấp đô thị khu vực huyện Nhà Bè (Hẻm 1886-1716-1776-1806 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè)	Huyện Nhà Bè	158
4) Di dời hệ thống cấp nước (Vốn đền bù)		14.045

Danh mục	Địa điểm	Giá trị giải ngân (triệu đồng)
4.1/ Di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình nâng cấp, mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (từ cầu Phước long đến Nguyễn Hữu Thọ)	Huyện Nhà Bè	2.108
4.2/ Di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Bình, giai đoạn 2 (đoạn từ Nguyễn Văn Tạo đến Lê Văn Lương)	Huyện Nhà Bè	3.711
4.3/ Di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Văn Tạo nối dài (đoạn từ Phan Văn Bảy đến sông Kênh Lộ), Huyện Nhà Bè.	Huyện Nhà Bè	4.971
4.4/ Di dời hệ thống cấp nước đường Đào Trí, Quận 7 năm 2017	Quận 7	3.255



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ đính 3: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
(Đính kèm Nghị quyết số 33 /NQ-CNNB-HĐQT ngày 02/11/2020)

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty như sau:

- A. Về thời gian:** Ngày tổ chức Đại hội: ngày 15 tháng 4 năm 2021
- B. Địa điểm:** Văn phòng Công ty: số 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Nội dung:**
1. Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 (kèm Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán) và các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;
 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020;
 4. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
 5. Trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021;
 6. Trình danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
 7. Trình ủy quyền ký kết hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022;
 8. Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022.
 9. Trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty (nếu có)

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty (cùng Trưởng ban Kiểm soát) chỉ đạo xây dựng tài liệu, trình Hội đồng quản trị xem xét tại phiên họp vào giữa tháng 3/2021 chuẩn bị tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.